

Từ điển thuật ngữ: Khái niệm, đặc trưng và phân loại

Quách Thị Gấm^(*)

Tóm tắt: Hiện nay, thực tiễn biên soạn các loại từ điển thuật ngữ, đặc biệt là từ điển thuật ngữ đối chiếu vô cùng phong phú; Tuy nhiên, những vấn đề lý luận và phương pháp luận của loại hình từ điển thuật ngữ vẫn cần được tiếp tục nghiên cứu, bởi ở Việt Nam loại hình này vẫn chưa thực sự được phân định rạch ròi, rõ nét. Bài viết làm rõ và hoàn thiện thêm khái niệm từ điển thuật ngữ; chỉ ra các đặc trưng cơ bản và đề xuất cách phân loại từ điển thuật ngữ hiện có ở Việt Nam, qua đó làm sáng rõ thêm những đặc điểm cơ bản về loại từ điển thuật ngữ trên các khía cạnh khác nhau.

Từ khóa: Từ điển thuật ngữ, Từ điển chuyên ngành, Khái niệm, Đặc trưng, Phân loại

Abstract: While the compilation of terminology dictionaries, especially the comparative terminology ones, is extremely rich, the theoretical and methodological issues of this type of glossary need to be further studied because this type of dictionary has not really been clearly delineated in Vietnam. The article clarifies and further develops the concept of terminology dictionary; points out the basic characteristics and proposes the classification of the existing glossary of terms in Vietnam, thereby clarifying the basic characteristics of the terminology dictionary in different aspects.

Keywords: Terminology dictionary, Specialized dictionary, Concept, Feature, Classification

1. Đặt vấn đề

Từ điển ra đời từ khá sớm và trở thành loại công cụ tra cứu hết sức hữu ích, tiện lợi và phổ biến. Hiện nay, các loại hình từ điển khá phong phú, đồng thời việc biên soạn các loại hình từ điển ngày càng phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu ngày càng cao của các đối tượng độc giả. Do đó, việc nhận thức đúng đắn về tính khoa học của các loại hình từ điển là rất quan trọng và cần thiết.

Nghiên cứu, tìm hiểu về các loại hình từ điển trên phương diện lý luận ở Việt

Nam là một vấn đề không mới, thực tế đã có nhiều nghiên cứu bàn về vấn đề này ở những khía cạnh khác nhau. Đặc biệt, việc tìm hiểu về loại hình từ điển ngôn ngữ, từ điển bách khoa, bách khoa thư ngày càng được quan tâm. Tuy nhiên, cho đến nay loại hình từ điển thuật ngữ ở Việt Nam vẫn chưa thực sự được phân định rạch ròi. Điều này một phần do chưa có nhiều nghiên cứu bàn luận hoặc tổng kết những vấn đề lý luận liên quan đến loại hình từ điển này, trong khi thực tiễn biên soạn các loại từ điển chuyên ngành và thuật ngữ, đặc biệt là từ điển đối chiếu thuật ngữ rất phát triển. Vì vậy, việc hệ thống hóa tri thức, làm sáng rõ những vấn đề cơ bản của từ điển thuật ngữ sẽ góp phần củng cố, hoàn thiện và

^(*) TS., Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Email: quachthigam@yahoo.com

làm phong phú cơ sở lý thuyết về loại hình từ điển này, qua đó góp phần tích cực vào thực tiễn nghiên cứu, biên soạn các công trình từ điển thuật ngữ.

2. Khái niệm “từ điển thuật ngữ”

Xét về mặt khái quát, hầu hết các nhà nghiên cứu đều thừa nhận “từ điển thuật ngữ” thuộc phạm vi của từ điển chuyên ngành. Theo các nhà ngôn ngữ học Nga, từ điển học thuật ngữ là một bộ phận của phân ngành từ điển học. Nếu từ điển học được định nghĩa là khoa học và thực tiễn biên soạn từ điển, thì từ điển học thuật ngữ là khoa học và thực tiễn biên soạn các từ điển chuyên ngành. Từ điển chuyên ngành (bao gồm từ điển từ vựng chuyên ngành, từ điển thuật ngữ) là loại sách tra cứu dùng để miêu tả từ vựng chuyên ngành của một hoặc vài ngôn ngữ (Theo: Nguyễn Văn Lợi, 2012: 37; Hà Quang Năng, 2012: 176). Tương tự, Sager (1990) cũng cho rằng từ điển thuật ngữ là một bản ghi chép các từ ngữ được áp dụng trong giao tiếp thuộc phạm vi hoạt động và tri thức có tính chuyên môn hóa.

Đi vào chi tiết, các nhà nghiên cứu đều khẳng định, từ điển thuật ngữ là loại từ điển trong đó bao gồm một danh sách các thuật ngữ của một lĩnh vực hoặc chuyên ngành nhất định. Chẳng hạn, theo Sager (1990), từ điển thuật ngữ bao gồm một danh sách các thuật ngữ được miêu tả, xử lý một cách nhất quán theo hệ thống của mỗi chuyên ngành. Ram Adhar Singh (1982) cũng khẳng định, từ điển thuật ngữ chứa các thuật ngữ riêng cho một lĩnh vực, chủ đề cụ thể hoặc các từ chung có ý nghĩa đặc biệt cho các lĩnh vực đặc biệt. Đồng thời, thuật ngữ cũng là một phần quan trọng trong từ vựng của bất kỳ ngôn ngữ nào. Tương tự, theo Nguyễn Khánh Hà (2012), từ điển thuật ngữ chính là một tập hợp và hệ thống hóa các thuật ngữ thuộc một lĩnh vực hoặc theo từng chuyên ngành hay vài chuyên ngành cụ thể. Còn Phạm Văn Thầu

(2014) cho rằng, một cuốn từ điển được coi là từ điển thuật ngữ chỉ khi số lượng thuật ngữ chiếm phần lớn dung lượng của từ điển. Nguyễn Trọng Báu (2008) cũng khẳng định, từ điển thuật ngữ không có mục từ địa danh, lịch sử, tiểu sử.

Như vậy, khi đề cập đến định nghĩa từ điển thuật ngữ, trước hết các nhà nghiên cứu đều nhấn mạnh vị trí của loại hình từ điển này thuộc về từ điển chuyên ngành. Đi vào chi tiết, các nhà nghiên cứu đều quan tâm đến cấu trúc bảng từ, với sự hiện diện của hệ thống thuật ngữ. Điều đáng chú ý, chúng không phải là một danh sách các thuật ngữ rời rạc, mà là một tập hợp các thuật ngữ được trình bày, tổ chức theo một hệ thống và nguyên tắc nhất định, thể hiện cách thức lựa chọn thuật ngữ và tổ chức, sắp xếp các thông tin trong giới hạn từ điển.

Tuy nhiên, khi đưa ra khái niệm từ điển thuật ngữ, các nhà nghiên cứu hầu như chưa đề cập đến vai trò hoặc chức năng cũng như đối tượng sử dụng. Vì vậy, từ các định nghĩa trên, có thể bổ sung chức năng và đối tượng sử dụng để tạo ra một khái niệm tương đối hoàn chỉnh như sau: *Từ điển thuật ngữ là loại từ điển chuyên ngành có nhiệm vụ thu thập, miêu tả hệ thống thuật ngữ của một hoặc nhiều lĩnh vực, ngành, chuyên ngành nhất định, nhằm cung cấp hệ thống khái niệm khoa học do thuật ngữ biểu thị, hướng đến những người có chuyên môn hoặc độc giả muốn tìm hiểu về các tri thức chuyên ngành.*

3. Một số đặc trưng cơ bản của từ điển thuật ngữ

3.1. Về vị trí trong sự phân loại của từ điển học

Hầu hết các nhà nghiên cứu có sự thống nhất cao khi xếp từ điển thuật ngữ nói chung thuộc loại từ điển khái niệm (Vũ Quang Hào, 2005; Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn từ điển bách khoa Việt Nam, 2005; Nguyễn Trọng Báu, 2008;...). Ngoài

ra, từ điển thuật ngữ còn được một số tác giả cho rằng thuộc loại từ điển chuyên ngành (Nguyễn Thiện Giáp, 2008) hay từ điển chuyên môn (Nguyễn Văn Tu, 1978) hoặc từ điển chuyên biệt (Singh, Ram Adhar, 1982),... Nhìn chung, cách gọi “từ điển khái niệm”, “từ điển chuyên ngành”, “từ điển chuyên môn” đều thể hiện được những đặc trưng khác nhau của từ điển thuật ngữ:

Thứ nhất, từ điển thuật ngữ thuộc loại từ điển khái niệm. Điều này là hiển nhiên bởi lẽ mỗi thuật ngữ biểu thị một khái niệm khoa học. Do đó, nói đến thuật ngữ là nói đến khái niệm. Theo quan niệm của hầu hết các nhà nghiên cứu, từ điển khái niệm bao gồm từ điển bách khoa, từ điển chuyên ngành, từ điển thuật ngữ. Khác với từ điển ngôn ngữ (còn gọi là từ điển ngữ văn) cung cấp các thông tin về bản thân ngôn ngữ như chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa,... của từ, từ điển thuật ngữ cung cấp thông tin về khái niệm, sự vật, hiện tượng,... bên ngoài khách quan do thuật ngữ biểu thị. Do vậy, trong từ điển khái niệm nói chung và từ điển thuật ngữ nói riêng, không có các hư từ hay thán từ biểu thị tình thái, hoặc các đơn vị như giới từ, trạng từ, đại từ vì các từ này không biểu thị khái niệm khoa học, hay nói cách khác “không phải là các thuật ngữ chuyên môn” (Nguyễn Thiện Giáp, 2010: 443). Mặc dù xét về hình thức, thuật ngữ cũng được cấu tạo từ chất liệu ngôn ngữ, có vỏ bọc hình thức dưới dạng từ ngữ. Cho nên nhìn về hình thức ngôn ngữ, giữa thuật ngữ (đối tượng của từ điển thuật ngữ) và từ toàn dân hay từ thông thường (đối tượng của từ điển ngôn ngữ) hoàn toàn giống nhau nhưng bản chất chúng lại khác nhau. Sự khác nhau về mặt loại hình đã đưa đến sự khác nhau về một loạt các đặc điểm của từ điển ngôn ngữ và từ điển thuật ngữ như: phạm vi thu thập mục từ, kiểu định nghĩa, đối tượng sử dụng,...

Thứ hai, từ điển thuật ngữ gắn liền với ngành khoa học hoặc lĩnh vực chuyên

môn nhất định, không có từ điển thuật ngữ chung chung. Ví dụ: *từ điển thuật ngữ kinh tế, từ điển thuật ngữ luật học,...* Vì vậy, từ điển thuật ngữ đương nhiên có tính chất chuyên ngành. Cho nên theo quan niệm của chúng tôi, từ điển thuật ngữ chính là một dạng của từ điển chuyên ngành. Giữa từ điển thuật ngữ và từ điển chuyên ngành chỉ khác nhau về phạm vi thu thập mục từ: Trong từ điển thuật ngữ thường chỉ có duy nhất loại mục từ là thuật ngữ. Còn trong từ điển chuyên ngành, ngoài thuật ngữ, người ta có thể thu thập tất cả các đơn vị từ ngữ chuyên môn được sử dụng trong ngành đó như: thuật ngữ, từ ngữ nghề nghiệp, danh pháp (tên gọi các cơ quan, tổ chức, người có đóng góp quan trọng cho ngành,...), các tác phẩm, sự kiện, địa danh tiêu biểu,...

3.2. Về chức năng

Từ điển thuật ngữ cung cấp các thông tin tri thức khoa học thể hiện qua hệ thống khái niệm chứa đựng trong thuật ngữ, giúp các nhà chuyên môn và người sử dụng nắm bắt được hệ thống khái niệm, cũng như có thể hiểu chính xác nội dung các khái niệm thuộc các lĩnh vực khoa học chuyên môn. Đồng thời, hệ thống khái niệm được thể hiện qua hệ thống thuật ngữ trong từ điển thuật ngữ đã phản ánh phần nào trình độ phát triển khoa học kỹ thuật của các ngành khoa học chuyên môn.

Từ điển thuật ngữ góp phần nâng cao nhận thức về tri thức chuyên ngành, phát triển khoa học, kỹ thuật của đất nước, bởi thuật ngữ chính là các từ ngữ biểu thị các khái niệm và tri thức khoa học. Đặc biệt, các cuốn từ điển thuật ngữ đối chiếu có vai trò quan trọng trong việc giới thiệu, chuyển tải các khái niệm mới của nước ngoài, rất cần cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước cũng như trong nghiên cứu khoa học, giảng dạy, nâng cao trình độ ngoại ngữ chuyên ngành.

3.3. Về cấu trúc

Trong từ điển thuật ngữ, bảng từ (cấu trúc vĩ mô) chủ yếu là thuật ngữ. Từ điển thuật ngữ chính là một tập hợp các thuật ngữ thuộc các lĩnh vực khoa học chuyên môn nhất định và được tổ chức, sắp xếp theo hệ thống. Đơn vị quan trọng nhất trong từ điển thuật ngữ chính là thuật ngữ. Đằng sau các thuật ngữ là một hệ thống khái niệm thuộc về một lĩnh vực khoa học cụ thể. Hệ thống khái niệm mà thuật ngữ biểu thị mang tính chính xác và liên hệ với nhau theo một tôn ti chặt chẽ, logic, tức là mang tính hệ thống cao.

Trong thực tiễn biên soạn các loại từ điển thuật ngữ, ngoài thuật ngữ chiếm số lượng chủ yếu, trong bảng từ của một số cuốn từ điển thuật ngữ có thể có sự hiện diện của một số ít đơn vị từ vựng chuyên môn khác như: danh pháp (tên riêng về tác giả, tên riêng về cơ quan, tổ chức,...), từ ngữ quen dùng (từ nói, quán ngữ, tổ hợp từ,...), các ký hiệu,... Mặc dù chúng không biểu thị các khái niệm, đối tượng khoa học như thuật ngữ, song chúng cũng được sử dụng trong các ngành khoa học và tồn tại song hành cùng với thuật ngữ, nhất là danh pháp. Do đó, việc lựa chọn các đơn vị đưa vào từ điển và phạm vi, mức độ của chúng đến đâu sẽ phụ thuộc vào tính chất, mục đích của các cuốn từ điển và đặc thù của chuyên ngành cụ thể. Tuy nhiên, trong một cuốn từ điển thuật ngữ, lý tưởng là chỉ có duy nhất đơn vị thuật ngữ hoặc thuật ngữ bao giờ cũng chiếm số lượng chủ yếu.

Về cấu trúc vĩ mô, với mỗi loại từ điển thuật ngữ khác nhau sẽ có mô hình cấu trúc khác nhau. Đối với loại từ điển đối chiếu, đó là việc lựa chọn các thuật ngữ tương đương được dịch từ ngôn ngữ nguồn. Đối với loại từ điển giải thích, đó là việc xác định lời định nghĩa một cách chính xác và kèm giải thích khái niệm nhằm làm rõ nội dung, ý nghĩa của thuật ngữ. Đối với loại

từ điển vừa đối chiếu vừa giải thích, trong cấu trúc vĩ mô bao gồm cả thuật ngữ tương đương (được dịch từ ngôn ngữ nguồn) và lời định nghĩa hoặc giải thích ngắn gọn nội hàm khái niệm của thuật ngữ gốc.

Tuy nhiên, dù là loại hình từ điển thuật ngữ nào thì cũng cần chú ý đến tính hệ thống của các đơn vị từ vựng chuyên môn nói chung và thuật ngữ nói riêng nhằm “bảo đảm mức độ bao phủ được tất cả các thuật ngữ cần thiết” (trong cấu trúc vĩ mô) và giúp cho việc đơn giản hóa cách lựa chọn những đặc trưng cơ bản của mỗi thuật ngữ cũng như khi lựa chọn các thuật ngữ tương đương tiếng nước ngoài (Hà Quang Năng, 2012: 209).

3.4. Về hình thức ngôn ngữ

Từ điển thuật ngữ mang tính chuẩn hóa cao. Hầu hết các thuật ngữ hiện diện trong từ điển thuật ngữ đều định hướng người sử dụng đến các thuật ngữ có hình thức chuẩn, nghĩa là thuật ngữ đảm bảo tính chính xác về mặt nội dung, phù hợp với hệ thống và ngắn gọn về hình thức.

Đối với các thuật ngữ có biến thể hay thuật ngữ đồng nghĩa (nhiều tên gọi về cùng một khái niệm, hiện tượng, sự vật trong khoa học), các nhà biên soạn thường có cách xử lý đó là bên cạnh việc chọn hình thức chuẩn nhất của thuật ngữ (thường xếp đầu tiên), vẫn đưa vào cả các biến thể của thuật ngữ (xếp sau) với mục đích để độc giả tham khảo. Chẳng hạn, *áp suất trong*, *áp suất nội* (trong từ điển vật lý); *requiem - lễ cầu siêu*, *lễ cầu hồn* (trong từ điển triết học),...

3.5. Về tên gọi từ điển

Đa số từ điển thuật ngữ được nhận dạng ngay ở tên gọi cuốn từ điển: Từ điển thuật ngữ + lĩnh vực/ngành/chuyên ngành/phân ngành. Nhưng cũng có một số cuốn, chữ “thuật ngữ” không được hiển ngôn ở tên gọi. Ví dụ: *Từ điển kỹ thuật thủy lợi Anh - Việt* (1985), *Thuật ngữ pháp lý phổ thông* (1986), *Từ điển địa chất Anh - Việt*

(2006), *Từ điển tài nguyên môi trường* (2006),... Mặc dù không mang tên từ điển thuật ngữ, nhưng qua nội dung, cấu trúc mục từ, người đọc hiểu được đó là loại từ điển thuật ngữ.

3.6. Về phạm vi, đối tượng sử dụng

Từ điển thuật ngữ là công cụ tra cứu các thuật ngữ chuyên ngành, chủ yếu được sử dụng trong phạm vi của những người làm chuyên môn và là phương tiện để các nhà khoa học hoặc người có trình độ tri thức nhất định giao tiếp, trao đổi học thuật,...

4. Phân loại từ điển thuật ngữ

4.1. Tình hình phân loại

Một trong những vấn đề cơ bản của từ điển học thuật ngữ là phân loại từ điển thuật ngữ. Đây là vấn đề quan trọng liên quan chặt chẽ tới dung lượng, chức năng, nội dung và hình thức của các từ điển dự định biên soạn.

Trong thực tế, nếu như việc phân loại từ điển ngôn ngữ được nhiều tác giả quan tâm, có những nghiên cứu chuyên sâu, chi tiết và đã đưa ra được hệ thống các loại từ điển ngôn ngữ khác nhau, thì việc phân loại từ điển thuật ngữ hầu như mới chỉ được đề cập sơ lược và dừng lại ở bình diện khái quát. Kết quả là, hầu hết các nhà nghiên cứu cũng chỉ dừng lại ở sự phân loại từ điển thuật ngữ thành 2 loại cơ bản: từ điển giải thích thuật ngữ (từ điển thuật ngữ một thứ tiếng) và từ điển đối chiếu thuật ngữ (từ điển thuật ngữ nhiều thứ tiếng), mà không đi sâu tìm hiểu đặc trưng của các loại từ điển này.

Chẳng hạn, Nguyễn Trọng Bái (2008) khi đi sâu tìm hiểu sự phân loại từ điển đã chia từ điển nói chung làm 2 loại: từ điển ngôn ngữ và từ điển khái niệm, trong đó từ điển khái niệm tiếp tục phân chia làm 3 loại: bách khoa toàn thư, từ điển bách khoa, từ điển thuật ngữ. Đối với loại từ điển thuật ngữ, ông tiếp tục phân chia thành: từ điển giải thích thuật ngữ, từ điển thuật ngữ song ngữ, từ điển thuật ngữ đa ngữ (thực chất hai

loại từ điển thuật ngữ song ngữ và từ điển thuật ngữ đa ngữ thuộc loại hình từ điển thuật ngữ đối chiếu). Trong nghiên cứu này, tác giả cũng chỉ dừng lại ở việc phân loại từ điển thuật ngữ chứ không đi sâu tìm hiểu đặc trưng của chúng. Hình thức này cũng tương tự như một loạt nghiên cứu khác của Chu Bích Thu (2001), Vũ Quang Hào (2005), Đặng Hoàng Hải - Hoàng Thị Nhung (2011), Hà Thị Quế Hương (2012), Hà Quang Năng (2012),... Trong số này, Hà Thị Quế Hương (2012) phân loại chi tiết hơn. Cụ thể, đối với từ điển đối chiếu thuật ngữ, theo tác giả có thể chia tiếp thành 2 loại dựa trên việc lựa chọn ngôn ngữ gốc là tiếng Việt hay tiếng nước ngoài: từ điển đối chiếu thuật ngữ Việt - tiếng nước ngoài và từ điển đối chiếu thuật ngữ tiếng nước ngoài - Việt. Ngoài ra, dựa vào mục đích biên soạn còn có loại từ điển vừa đối chiếu vừa giải thích thuật ngữ. Tương tự, Hà Quang Năng (2012) khi nghiên cứu một số vấn đề phương pháp biên soạn từ điển thuật ngữ (trường hợp của Nga và trên thế giới) có đề cập đến 5 loại từ điển thuật ngữ của Nga và Mỹ: từ điển giải thích thuật ngữ, từ điển đối chiếu thuật ngữ, từ điển giáo khoa, từ điển chuẩn, từ điển thông tin (từ điển bách khoa về thuật ngữ).

Như vậy, việc phân loại từ điển thuật ngữ nhìn chung mới dừng lại ở cấp độ khái quát, sơ lược, chưa phải là vấn đề trọng tâm của các nghiên cứu nêu trên, vì vậy chưa bao quát hết các loại từ điển thuật ngữ hiện có ở Việt Nam, cũng như chưa đưa ra được những tiêu chí để phân loại từ điển thuật ngữ một cách đầy đủ và chỉ ra các đặc trưng cơ bản của chúng.

4.2. Đề xuất phân loại từ điển thuật ngữ

Dựa trên cơ sở lý thuyết kết hợp với những khảo sát thực tế và kế thừa sự phân loại của các nghiên cứu đi trước, chúng tôi đề xuất cách phân loại từ điển thuật ngữ hiện có ở Việt Nam như ở Bảng 1. Bảng

phân loại cho thấy, dựa vào các tiêu chí khác nhau sẽ có các tiểu loại từ điển thuật ngữ khác nhau, với những đặc trưng riêng.

Bảng 1: Bảng phân loại từ điển thuật ngữ ở Việt Nam

TT	Tiêu chí phân loại	Loại từ điển thuật ngữ
	Có/ không có lời định nghĩa, giải thích	- Từ điển giải thích thuật ngữ - Từ điển đối chiếu thuật ngữ
	Phạm vi, mức độ chuyên sâu của thuật ngữ	- Từ điển thuật ngữ lĩnh vực, liên lĩnh vực - Từ điển thuật ngữ ngành, liên ngành - Từ điển thuật ngữ chuyên ngành và phân ngành
	Tích hợp đối chiếu và giải thích	- Từ điển thuật ngữ đối chiếu kết hợp giải thích
	Đối tượng sử dụng chuyên biệt	- Từ điển giáo khoa (từ điển thuật ngữ phổ thông)
	Cung cấp thông tin chi tiết	- Từ điển thông tin (từ điển bách khoa về thuật ngữ)
	Quy mô, số lượng mục từ	- Từ điển thuật ngữ cỡ nhỏ - Từ điển thuật ngữ cỡ vừa - Từ điển thuật ngữ cỡ lớn
	Cách thức truyền đạt	- Từ điển thuật ngữ bản giấy - Từ điển thuật ngữ bản điện tử - Từ điển thuật ngữ online

4.2.1. Căn cứ vào thuật ngữ được giải thích hay không, có thể phân loại thành từ điển giải thích thuật ngữ và từ điển đối chiếu thuật ngữ

(i) Từ điển giải thích thuật ngữ

Đây còn gọi là loại từ điển thuật ngữ một từ tiếng hay từ điển tương giải. “So với các loại từ điển khác, từ điển tương giải cung cấp cho người đọc những đặc điểm đầy đủ nhất về các đơn vị chuyên môn” (Hà Quang Năng, 2012: 186). Ví dụ: *Từ điển thuật ngữ văn học* (1999), *Từ điển thuật ngữ kinh tế học* (2001), *Từ điển thuật ngữ tâm lý học* (2012),...

Về cấu trúc vĩ mô, do đây là loại từ điển có lời định nghĩa (và thường đi kèm

giải thích) nên số lượng mục từ không lớn như từ điển đối chiếu. Về cấu trúc vi mô, nhìn chung từ điển thường tập trung giải thích nội hàm khái niệm do thuật ngữ biểu thị một cách chính xác, ngắn gọn. Lời định nghĩa kèm giải thích đều dựa trên kiến thức khoa học về khái niệm và gắn với lĩnh vực chuyên môn nhất định. Trong từ điển thuật ngữ, lời định nghĩa kèm giải thích thường chỉ nêu ra những đặc trưng cơ bản của khái niệm, không cung cấp đầy đủ kiến thức như từ điển bách khoa. Tuy nhiên thực tế trong các cuốn từ điển giải thích thuật ngữ hiện nay cho thấy, tùy theo tính chất của mỗi mục từ cụ thể, có thể cung cấp thêm những kiến thức liên quan đến khái niệm (giải thích chi tiết theo kiểu bách khoa).

(ii) Từ điển đối chiếu thuật ngữ

Từ điển đối chiếu thuật ngữ (hay từ điển thuật ngữ đối chiếu) là loại từ điển chuyên dịch các thuật ngữ từ một ngôn ngữ này sang một ngôn ngữ khác. Cụ thể, người ta dựa vào thuật ngữ của một ngôn ngữ nguồn (ngôn ngữ xuất phát, ngôn ngữ gốc) để so sánh với thuật ngữ của một hoặc nhiều ngôn ngữ đích về một lĩnh vực hoặc ngành khoa học chuyên môn nào đó nhằm tìm ra (chuyển dịch) các thuật ngữ tương đương, phù hợp với từng thuật ngữ của ngôn ngữ xuất phát. Từ điển này hướng đến đối tượng trước hết là những người hoạt động trong các lĩnh vực khoa học chuyên môn và sau là cả những người biết ngoại ngữ. Đi sâu vào chi tiết, từ điển thuật ngữ đối chiếu được phân loại thành các tiểu loại khác nhau như sau:

- Căn cứ vào số lượng ngôn ngữ được đối chiếu, có từ điển thuật ngữ đối chiếu song ngữ (đối chiếu 2 từ tiếng) và từ điển thuật ngữ đối chiếu đa ngữ (đối chiếu từ 3, 4 từ tiếng trở lên), trong đó từ điển thuật ngữ đối chiếu song ngữ phổ biến nhất. Ví dụ: *Từ điển thuật ngữ kinh tế - viễn thông Anh - Việt* (2012),

Từ điển thuật ngữ ngôn ngữ học Việt - Anh - Pháp - Nga (2003),...

- Căn cứ vào ngôn ngữ xuất phát, có từ điển thuật ngữ đối chiếu ngoại ngữ - Việt (phổ biến hơn cả) và từ điển thuật ngữ đối chiếu Việt - ngoại ngữ. Ví dụ: *Từ điển thuật ngữ ngoại thương Hán - Việt* (2008), *Từ điển thuật ngữ khoa học xã hội Việt - Lào* (2015),...

Về cấu trúc, từ điển thuật ngữ đối chiếu lấy thuật ngữ của ngôn ngữ nguồn làm đơn vị lập mục từ. Bảng từ (cấu trúc vĩ mô) là danh sách các thuật ngữ của ngành hay lĩnh vực mà từ điển đề cập đến, được sắp xếp theo chữ cái của ngôn ngữ nguồn và được đối chiếu nhằm tìm ra các thuật ngữ tương đương ở ngôn ngữ đích. Do vậy, cấu trúc nội dung của mỗi mục từ (cấu trúc vi mô) khá đơn giản, thường chỉ là đầu mục từ gốc (thuật ngữ của ngôn ngữ nguồn) và các thuật ngữ tương đương ở ngôn ngữ đích. Đôi khi có những cuốn từ điển, ở mỗi đầu mục từ gốc và thuật ngữ tương đương được chú thích thêm cả thông tin ngữ pháp (từ loại) hoặc thông tin về từ đồng nghĩa; ở thuật ngữ tương đương còn có thể có chú thích,... Có thể nói, việc tìm ra hay xác định các thuật ngữ tương đương ở ngôn ngữ đích là quan trọng hàng đầu, là vấn đề trọng tâm của loại từ điển đối chiếu thuật ngữ.

4.2.2. *Căn cứ vào phạm vi bao quát và tính chất chuyên sâu của thuật ngữ, có thể phân thành từ điển lĩnh vực và liên lĩnh vực, từ điển ngành và liên ngành, từ điển chuyên ngành và phân ngành*

Cho đến nay ở Việt Nam hầu như mọi ngành, lĩnh vực đều có từ điển về ngành hay lĩnh vực của mình và chúng loại khá phong phú. Xếp theo hệ thống phân ngành có những tiểu loại từ điển thuật ngữ sau:

(i) *Từ điển thuật ngữ lĩnh vực và liên lĩnh vực*

Đây là loại từ điển trong đó mục từ là thuật ngữ liên quan đến nhiều lĩnh vực

rộng lớn khác nhau, do đó, bảng từ của từ điển này thường là các thuật ngữ cơ bản, thông dụng. Đó là thuật ngữ biểu thị những khái niệm chung của các ngành khoa học và được sử dụng phổ biến trong một lĩnh vực hoặc giữa các lĩnh vực khác nhau. Ví dụ: *Từ điển thuật ngữ khoa học xã hội Nga - Pháp - Việt* (1979), *Từ điển kỹ thuật tổng hợp và công nghệ cao Anh - Việt* (2005),...

(ii) *Từ điển thuật ngữ ngành và liên ngành*

Loại từ điển này có bảng từ là các thuật ngữ được sử dụng trong phạm vi của ngành hoặc giữa các ngành với nhau, bao gồm cả thuật ngữ cơ bản, thông dụng và thuật ngữ chuyên sâu - những thuật ngữ mà thường chỉ những người trong ngành khoa học chuyên môn biết đến và hiểu được. Ví dụ: *Từ điển giải thích thuật ngữ quân sự* (1985), *Từ điển thuật ngữ xuất bản - in phát hành sách thư viện - bản quyền* (2002),...

(iii) *Từ điển thuật ngữ chuyên ngành và phân ngành*

Bảng từ của loại từ điển này là các thuật ngữ được sử dụng trong phạm vi của chuyên ngành hoặc phân ngành, cũng bao gồm cả thuật ngữ cơ bản, thông dụng và thuật ngữ chuyên sâu. Ví dụ: *Từ điển thuật ngữ địa lý nhân văn* (2003), *Từ điển thuật ngữ tư pháp Nhật - Việt* (2012), *Từ điển thuật ngữ an toàn và vệ sinh lao động* (2013),...

4.2.3. *Căn cứ vào tính chất tích hợp đối chiếu và giải thích, có từ điển thuật ngữ vừa đối chiếu vừa giải thích*

Từ điển loại này ngoài việc đối chiếu thuật ngữ (thường là tiểu loại tiếng nước ngoài - Việt) còn đi kèm giải thích ngắn gọn (hoặc chi tiết theo kiểu bách khoa) nội hàm khái niệm của thuật ngữ gốc. Ví dụ: *Từ điển thuật ngữ pháp luật Pháp - Việt* (2009), *Từ điển thuật ngữ tài chính Việt - Lào* (2011),...

4.2.4. Căn cứ vào đối tượng sử dụng chuyên biệt, có từ điển thuật ngữ giáo khoa

Đây là loại từ điển hướng đến đối tượng có trình độ phổ thông hoặc học sinh, sinh viên. Từ điển này thường “cung cấp khối lượng từ ngữ phù hợp với nhu cầu và khả năng học tập của học sinh, sinh viên, đồng thời chỉ ra những nghĩa cơ bản, hay duy nhất ở các từ ngữ được lựa chọn” (Hà Quang Năng, 2012: 207). Ví dụ: *Từ điển thuật ngữ mỹ thuật phổ thông* (2002), *Thuật ngữ lịch sử dùng trong nhà trường* (2010),...

4.2.5. Căn cứ vào mức độ cung cấp thông tin chi tiết, có từ điển thông tin (từ điển bách khoa về thuật ngữ)

Đây thực chất là loại từ điển giải thích thuật ngữ một cách chi tiết, cung cấp cả các thông tin mở rộng, nên có thể gọi là từ điển bách khoa về thuật ngữ. Ví dụ: *Thuật ngữ báo chí truyền thông* (2007),... Nhìn chung, loại từ điển này ít phổ biến hơn loại từ điển tường giải thuật ngữ. Mặc dù tên gọi không ghi “bách khoa” nhưng qua cấu trúc vi mô, người đọc có thể nhận diện được đây là loại hình từ điển bách khoa.

4.2.6. Căn cứ vào quy mô, số lượng mục từ, có thể phân thành từ điển cỡ lớn, từ điển cỡ vừa, từ điển cỡ nhỏ

Dựa trên số lượng mục từ, từ điển thuật ngữ bao gồm cỡ nhỏ, cỡ vừa, cỡ lớn, trong đó phần lớn là cỡ vừa và cỡ nhỏ.

4.2.7. Căn cứ vào phương thức truyền đạt, có thể phân thành từ điển thuật ngữ bản giấy, từ điển thuật ngữ bản điện tử, từ điển thuật ngữ trực tuyến (online)

Cũng giống như các loại hình từ điển khác, dựa vào phương thức truyền đạt, có từ điển thuật ngữ bản giấy, bản điện tử, trực tuyến, trong đó từ điển bản giấy là loại truyền thống, phổ biến nhất. Hiện nay từ điển thuật ngữ bản điện tử, đặc biệt từ điển thuật ngữ trực tuyến đang được chú ý bởi tính tiện dụng của nó so với bản giấy.

5. Kết luận

Dựa trên các nghiên cứu đi trước, bài viết đã xác lập khái niệm từ điển thuật ngữ một cách tương đối đầy đủ, chỉ ra các đặc điểm cơ bản của loại hình từ điển này. Qua đó có thể thấy, từ điển thuật ngữ là loại từ điển thuộc phạm vi từ điển chuyên ngành gắn liền với hệ thống thuật ngữ của từng chuyên ngành hoặc lĩnh vực chuyên môn. Bản chất của từ điển thuật ngữ là thể hiện hệ thống khái niệm khoa học.

Trên cơ sở phân loại, bài viết cho thấy một cái nhìn toàn cảnh về các loại hình từ điển thuật ngữ hiện nay ở Việt Nam. Dựa trên các tiêu chí phân loại khác nhau sẽ có các loại từ điển thuật ngữ khác nhau, với những đặc trưng riêng. Trong đó, sự phân loại dựa trên nội dung thông tin trong cấu trúc vi mô là cơ bản nhất. Cách phân loại này thể hiện được đặc trưng, tính chất của loại hình từ điển thuật ngữ □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Trọng Báu (2008), “Từ điển - sách công cụ ứng dụng và lịch sử phát triển”, trong: Nguyễn Huy Cận (2008), *Ngôn ngữ học - một số phương diện nghiên cứu liên ngành*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Nguyễn Thiện Giáp (2008), *Giáo trình ngôn ngữ học*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
3. Nguyễn Thiện Giáp (2010), *777 khái niệm ngôn ngữ học*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
4. Nguyễn Khánh Hà (2012), “Về phương pháp biên soạn từ điển thuật ngữ”, Tạp chí *Từ điển học & Bách khoa thư*, số 4, tr. 41-46.
5. Đặng Hoàng Hải, Hoàng Thị Nhung (2011), “Một cách phân loại Từ điển ngôn ngữ một thứ tiếng”, Tạp chí *Từ điển học & Bách khoa thư*, số 1, tr. 19-32.
6. Vũ Quang Hào (2005), *Kiểm kê từ điển*

- học Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
7. Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam (2005), *Từ điển bách khoa Việt Nam*, tập 4, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội.
 8. Hà Thị Quế Hương (2012), “Cấu trúc vĩ mô và vi mô của từ điển đối chiếu thuật ngữ”, trong: Hà Quang Năng (2012), *Thuật ngữ học - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội.
 9. Nguyễn Văn Lợi (2012), “Những vấn đề lý luận và thực tiễn trong thuật ngữ học ở Cộng hòa Liên bang Nga”, trong: Hà Quang Năng (2012), *Thuật ngữ học - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội.
 10. Hà Quang Năng (2012), “Một số vấn đề cơ bản về phương pháp luận biên soạn từ điển thuật ngữ”, *Thuật ngữ học - những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội.
 11. Phạm Văn Thấu (2013), “Hướng đến biên soạn cuốn từ điển chuyên ngành xuất bản”, Tạp chí *Từ điển học & Bách khoa thư*, số 6, tr. 63-72.
 12. Chu Bích Thu (2001), “Giới thiệu sơ lược về từ điển và từ điển học Việt Nam”, Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 14, tr. 12-26.
 13. Nguyễn Văn Tu (1978), *Từ và vốn từ tiếng Việt hiện đại* (tái bản), Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
 14. Sager, Juan C. (1990), *Practical Course in Terminology Processing*, John Benjamins Publishing Company, Amsterdam-Philadelphia.
 15. Singh, Ram Adhar (1982), “Types of Dictionaries”, *An Introduction to Lexicography*, <http://www.ciil-ebooks.net/html/lexico/link6.htm>, truy cập ngày 20/06/2022.

(tiếp theo trang 51)

20. Yêu Thư Nghi (2001), “*Tây sương ký* phát hiện thời Minh”, *Bình luận Văn học*, số 5, tr. 120-127.
21. Trình Quốc Phú (2010), “Nghiên cứu lời nói đầu trong tiểu thuyết thông tục Minh, Thanh”, *Bình luận Văn học*, số 6, tr. 106-114.
22. Tăng Lễ Quân (2015), “Văn nhân thị trấn và văn học đô thị - nhóm tiểu thuyết gia báo chí trong kết cấu văn học Thượng Hải cuối thời Thanh đầu thời Dân quốc”, *Bình luận Văn học*, số 6, tr. 211-220.
23. Tống Lệ Quyên (2017), “Tài tử thư: một khái niệm quan trọng đọc hiểu liên văn hóa thời kỳ Minh, Thanh”, *Bình luận Văn học*, số 6, tr. 58-70.
24. Triệu Viêm Thu (2011), “Bàn về hình bóng tác giả trong tiểu thuyết bạch thoại thời Minh, Thanh”, *Bình luận Văn học*, số 6, tr. 29-35.
25. Chu Vạn Thụ (2008), “Sáng tác văn học của thương nhân thời kỳ Minh, Thanh”, *Bình luận Văn học*, số 3, tr. 64-72.
26. Chu Vạn Thụ (2014), “Hình ảnh Huy Châu trong văn học thời Minh, Thanh”, *Bình luận Văn học*, số 1, tr. 148-160.
27. Tống Thanh Tú (2013), “Nhóm văn học nữ tính thời Thanh và phân tích đặc trưng khu vực khác nhau”, *Bình luận Văn học*, số 5, tr. 107-112.
28. Tôn Tuân (2006), “Tinh thần văn hóa của *Hồng lâu mộng*”, *Bình luận Văn học*, số 6, tr. 102-109.
29. Chu Chấn Vũ (2001), “Lược bàn về tâm lý sáng tác của *Liêu trai chí dị*”, *Bình luận Văn học*, số 3, tr. 79-88.
30. Vạn Tình Xuyên (2015), “Thể hiện đa dạng hình thái tiểu thuyết kháng Nhật thời Minh, Thanh và ý nghĩa của lịch sử tiểu thuyết”, *Bình luận Văn học*, số 6, tr. 203-210.